



tiān guó

天国

noun · heaven; kingdom of heaven

Example Sentences

Tā xiāng xìn sǐ hòu huì jìn rù tiān guó
他相信死后会进入天国。

He believes he will enter heaven after death.

Zài zōng jiào gù shì zhōng tiān guó shì chōng mǎn xìng fú de dì fāng
在宗教故事中，天国是充满幸福的地方。

In religious stories, heaven is a place full of happiness.

Trace each character, then write the word on your own.

天	天	天	天	天	天	天				
国	国	国	国	国	国	国	国	国	国	国